TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/DS-PT
Ngày: 21-7-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Nguyễn Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Nguyễn Thanh Hoàng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án Nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2015/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2015 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2014/DS-ST, ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2017/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1934.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp theo của nguyên đơn: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ: Đường M, Phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2012) Xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Khắc Toản thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Thạch Thị Ngọc B, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2015) Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Văn Chung – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. *NLQ1*, sinh năm 1969

2. *NLQ2*, sinh năm 1992

3. *NLQ3*, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. *NLQ4*, sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ cư trú: Đường P, phường 1, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Đường M, khóm 3, phường 3, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/5/2012; 4/5/2015; 9/6/2015) Xin vắng mặt.

5. *NLQ5*, sinh năm 1967

6. *NLQ6*, sinh năm 1996

Người đại diện hợp pháp của NLQ5, NLQ6: Bà Thạch Thị Ngọc B, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2015) Có mặt.

7. *NLQ7*, sinh năm 1949 (chết ngày 6/7/2015)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ7:

7.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1951 (xin vắng mặt)

7.2. Bà Thạch Thị Ngọc B, sinh năm 1975;

7.3. Bà Thạch Thị Thu H, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị Ngọc B: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 5/7/2017) Có mặt.

8. *NLQ8*, sinh năm 1933 (chết ngày 20/02/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của NLQ8:

8.1. Ông Ngô Tòng L, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Số 36 Phan Bội Châu, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

8.2. Ông Ngô Phước L, sinh năm 1954;

Địa chỉ cư trú: ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Phước L, ông Ngô Tòng L: Ông Giang Minh C, sinh năm 1951. Địa chỉ: Đường M, khóm 3, phường 3, Thành phố

T, tỉnh Trà Vinh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 6/3/2017; 8/3/2017) Xin vắng mặt.

9. *NLQ9.*

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Thạch Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2012, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/6/2014 nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Giang Minh C trình bày: Vào năm 1941 bà Huỳnh Thị T là mẹ của bà Lâm Thị Đ (bà ngoại của bà Nguyễn Thị L) có mua của ông Kim R diện tích 0,H52 (5.200m^2) đất thổ trạch; năm 1969 bà Huỳnh Thị T chết thì bà Lâm Thị Đ được thừa hưởng diện tích đất này và thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Đến ngày 12/9/1996 bà Lâm Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại thửa đất này, bà Thạch Thị Ngọc B đã lấn chiếm để cất nhà ở diện tích 96,3m^2 khoảng năm 1993 đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Thạch Thị Ngọc B trả lại diện tích đất 96,3m^2. Trường hợp gia đình bà Thạch Thị Ngọc B đã xây dựng nhà ở và không còn chỗ ở nào khác thì yêu cầu hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường.

Theo lời khai của bà Thạch Thị Ngọc B là bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây do bà ngoại bà là bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) cho mẹ bà là bà Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng, bà sống với bà Nguyễn Thị L1, khi bà lấy chồng năm 1993 bà Nguyễn Thị Ngọc T mới cho bà diện tích đất này. Quá trình sử dụng đất bà không có đi đăng ký kê khai, nhưng bà Thạch Thị Ngọc B có đóng thuế cho Nhà nước. Qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Thạch Thị Ngọc B không đồng ý trả đất cho bà Nguyễn Thị L cũng không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ.

Theo lời khai của NLQ7 trình bày: Đất tranh chấp Thạch Thị Ngọc B đang sử dụng trước đây do bà Nguyễn Thị L1 cho vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc T; đến năm 1993 khi Thạch Thị Ngọc B có chồng thì bà Nguyễn Thị Ngọc T cho Thạch Thị Ngọc B đất này. Nay ông *NLQ7* và bà Nguyễn Thị Ngọc T không có tranh chấp yêu cầu gì mà đề nghị Tòa án công nhận đất tranh chấp cho Thạch Thị Ngọc B được quyền sử dụng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/10/2014 ông Lê Thanh B đại diện theo ủy quyền của NLQ9: Phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L với 13 hộ tại ấp O, xã H, huyện T có tổng diện tích chung 4.440m^2, thuộc các thửa 654, 656, tọa

lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (trong đó có hộ bà Thạch Thị Ngọc B) đất do bà Lâm Thị Đ kê khai đăng ký vào ngày 25/7/1994 đã được Hội đồng đăng ký quyền sử dụng đất xã H xét cấp và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993. Việc bị đơn đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Lâm Thị Đ là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2014/DSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Giang Minh C yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị Ngọc B hoàn trả tiền giá trị quyền sử dụng đất diện tích 96,3m^2, thửa 656, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T.

Buộc bà Thạch Thị Ngọc B có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L bằng: 48.150.000 đồng (giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý số tiền này theo quy định của pháp luật về quản lý di sản thừa kế).

Tạm giao cho bà Thạch Thị Ngọc B được tiếp tục sử dụng diện tích 96,3m^2, thửa 656, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 656 có 03 đoạn số đo: 11,50m + 2,80m + 8,10m;

- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 18,90m;

- Hướng Nam giáp thửa 656 có số đo: 3,4m;

- Hướng Bắc giáp quốc lộ 60 có số đo: 6,20m.

Vị trí diện tích 96,3m^2, thửa 656 xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị Ngọc B theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, lệ phí thẩm định nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2014 bà Thạch Thị Ngọc B là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu công nhận diện tích đất 96,3m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của bà Thạch Thị Ngọc B và bà Thạch Thị Ngọc B không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đại diện cho bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bào chửa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Diện tích đất 96,3m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của bà Túc. Sau khi bà Huỳnh Thị T chết bà Lâm Thị Đ đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn lấn chiếm cất nhà ở nên phải có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L là người thừa kế của bà Lâm Thị Đ. Án sơ thẩm đã vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ý kiến của vị luật sư bào chửa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn đơn: Diện tích đất 96,3m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, do gia đình bên bị đơn sử dụng từ năm 1947 cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận cho bà Lâm Thị Đ là không đúng. Khi cấp giấy Cơ quan chuyên môn không kiểm tra hiện trạng sử dụng chỉ căn cứ đơn xin cấp giấy quyền sử dụng đất mà không xem đến những hộ ở trên đất xem họ có đồng ý không. Theo báo cáo số 236 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Ngọc B xin được công nhận quyền sử dụng diện tích đất 96,3m^2, thuộc thửa 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T là có cơ sở để chấp nhận. Theo tư liệu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ là không đúng thủ tục, không đúng đối tượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Thạch Thị Ngọc B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận quyền sử dụng đất cho bà Thạch Thị Ngọc B. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng. Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc T là trong hạn luật định nghĩ nên chấp nhận. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm NLQ8 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chết nên Tòa án đưa ông Ngô Tòng L và Ngô Phước L là người thừa kế của NLQ8 tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ8. NLQ7 chết trong giai đoạn

chuẩn bị xét xử phúc thẩm nên vợ con của NLQ7 là bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1951, bà Thạch Thị Ngọc B, sinh năm 1975, chị Thạch Thị Thu H, sinh năm 1979 thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ7.

[2]. Xét yêu cầu của bà Thạch Thị Ngọc B yêu cầu công nhận diện tích 96,3m^2, thuộc thửa đất số 656, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T cho gia đình bà.

Nhận thấy diện tích 96,3m^2 đất đang tranh chấp nằm một phần trong diện tích 3.120m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Do bà Lâm Thị Đ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tư liệu đăng ký quyền sử dụng đất năm 1983 ông Nguyễn Văn C đăng ký 4.000m^2, tư liệu năm 1991 bà Lâm Thị Đ đăng ký 4.440m^2.

Theo quy định tại khoản 1, mục IV Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ quy định về đăng ký và thống kê đất: "*Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình đang sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã phải kiểm tra việc khai báo này*".

Theo quy định của Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất quy định điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: "*Người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ bộ địa chính*". Qua hai lần kê khai đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân xã H không kiểm tra lại thực tế việc kê khai đăng ký của ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ. Việc kê khai này chưa đúng quy định vì ông Nguyễn Văn C và bà Lâm Thị Đ không trực tiếp sử dụng đất mà đất do các hộ sử dụng trong đó có gia đình của bà Nguyễn Thị Ngọc T, Thạch Thị Ngọc B đang ở trên này.

Theo hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lâm Thị Đ thì chỉ có đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 25/7/1994 theo tư liệu đăng ký đất năm 1983 thể hiện ông Nguyễn Văn C đăng ký kê khai thửa số 616, diện tích 2.800m^2; Thửa số 615, diện tích 1.200m^2 ông Nguyễn Văn C chết các thừa kế của ông Nguyễn Văn C không có ủy quyền cho Lâm Thị Đ đăng ký kê khai thửa đất trên, gia đình của Thạch Thị Ngọc B cũng đang ở trong thửa đất này cũng không có văn bản đồng ý cho bà Lâm Thị Đ đăng ký quyền sử dụng thửa đất này, trong khi gia đình bà Thạch Thị Ngọc B ở trên thửa đất này từ năm 1947. Như vậy việc kê khai cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.120m^2, thửa 656 cho hộ bà Lâm Thị Đ là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993.

Theo báo cáo số 236/BC-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Lâm Thị Đ là không đúng trình tự thủ tục và không đúng chủ thể.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Ngọc B là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Ngọc B, chấp nhận quan điểm của kiểm sát viên, luật sư của bị đơn sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Ngọc B về việc yêu cầu Tòa án công nhận diện tích đất 96,3m^2 nằm trong diện tích 3.120m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Thạch Thị Ngọc B quản lý sử dụng. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 96,3m^2 trong diện tích 3.120m^2, thuộc thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lâm Thị Đ.

[3]. Về án phí, lệ phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 36 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Thạch Thị Ngọc B.

Sửa bản án sơ thẩm số 11/2014/DSST ngày 30/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện T:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L khởi kiện đòi bà Thạch Thị Ngọc B diện tích 96,3m^2 trong diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4 mà hộ bà Thạch Thị Ngọc B đang sử dụng.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 96,3m^2 trong diện tích 3.120m^2, thửa 656, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Ô Đùng, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà hộ Lâm Thị Đ.

3. Công nhận bà Thạch Thị Ngọc B được tiếp tục sử dụng diện tích 96,3m^2, thửa 656, loại đất ở cây ăn quả, tọa lạc ấp O, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 656 có 03 đoạn số đo: 11,50m + 2,80m + 8,10m;

- Hướng Tây giáp thửa 656 có số đo: 18,90m;

- Hướng Nam giáp thửa 656 có số đo: 3,4m;

- Hướng Bắc giáp quốc lộ 60 có số đo: 6,20m.

Vị trí diện tích 96,3m^2, thửa 656 xác định theo trích lục đo đạc theo hiện trạng ngày 13/5/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T kèm theo bản án này.

Bà Thạch Thị Ngọc B có quyền đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005076 ngày 07/5/2012 và biên lai thu số 0006800 ngày 25/9/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T nên cấn trừ, còn lại 100.000 đồng hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho Thạch Thị Ngọc B theo biên lai thu số 0006903 ngày 12/11/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về lệ phí thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 866.070 đồng. Bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng đủ nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung